

BẠC LIÊU

khai thác thế mạnh nghề nuôi trồng thủy sản

PHAN QUỐC HUNG*

I. ĐÁNH THỨC TIỀM NĂNG

Là một tỉnh ven biển, ngoài ngư trường rộng lớn dồi dào nguồn giống các loài thủy sản, Bạc Liêu còn có hơn 100 ngàn ha đất ven biển và hơn 3 ngàn ha mặt nước nằm trong khu vực ngọt hóa bán đảo Cà Mau có khả năng nuôi nhiều loại thủy sản có giá trị kinh tế như tôm sú, cá tra, cá rô phi đơn tính... với quy mô sản xuất hàng hóa. Những điều kiện thiên nhiên thuận lợi đó giúp cho Bạc Liêu có tiềm năng khá đa dạng về kinh tế thủy sản, nhất là nghề nuôi tôm sú; có điều kiện thích hợp cho việc hình thành các trung tâm sản xuất giống các loài thủy sản. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện có 8 nhà máy, có năng lực chế biến 40% nguồn nguyên liệu thủy sản của tỉnh; 2 cơ sở sản xuất con giống có vốn đầu tư nước ngoài trên 10 triệu USD, mỗi năm sản xuất trên 2,3 tỉ con giống; 1 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi hiện đại, do Hà Lan tài trợ có khả năng sản xuất 10 ngàn tấn/năm, (hiện có 2 cơ sở vốn đầu tư nước ngoài về sản xuất thức ăn, con giống đang xây dựng). Với những lợi thế trên, nếu được đầu tư đúng mức, tổ chức tốt việc nuôi trồng, hàng năm sản lượng thủy sản có thể đạt từ 240 ngàn tấn đến 300 ngàn tấn; kim ngạch xuất khẩu hàng năm có thể đạt trên 200 triệu USD, đủ để trở thành ngành kinh tế chủ lực của tỉnh.

Tuy nhiên, phải mất một thời gian khá dài tiềm năng thủy sản của tỉnh mới được đánh

thức, nghề nuôi trồng thủy sản mới có điều kiện phát triển. Với mục tiêu không ngừng nâng cao sản lượng lương thực, nên hầu hết diện tích đất đai ở khu vực các xã ven biển vẫn được duy trì để trồng lúa, mặc dù năng suất không cao. Trước đòi hỏi bức xúc vượt qua đói nghèo, nhiều hộ nông dân ở đây đã "xé rào" ừ đất lúa để nuôi tôm và có người đã nhanh chóng trở nên khá giả.

Với trách nhiệm của mình, để khắc phục tình trạng chuyển đổi tự phát, sau ngày tái lập tỉnh, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ngành chức năng điều tra, khảo sát điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả số diện tích tự phát chuyển đổi từ trồng lúa sang nuôi tôm, tiến hành xây dựng quy hoạch vùng cho chuyển đổi từ trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi tôm, tạo điều kiện phát triển nghề nuôi trồng thủy sản.

Ngày 30-6-1998 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 02 về "đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ 1998 - 2005". Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy được coi như khâu đột phá khai thác tiềm năng kinh tế thủy sản của tỉnh. Từ đó đến nay, ngành kinh tế thủy sản của tỉnh liên tục tăng trưởng với tốc độ nhanh: diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 35,7 ngàn ha (năm 1998) lên 112 ngàn ha (năm 2003); sản lượng nuôi trồng tăng từ 7,2 ngàn tấn (năm 1998) lên 56,5 ngàn tấn (năm 2003). Có nhiều mô hình nuôi trồng đạt hiệu quả cao, nhất là nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp và mô hình kết hợp lúa - tôm. Mô hình nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp cho năng suất từ 2,5 đến 3 tấn/ha/vụ, trong đó mô hình nuôi công nghiệp khép kín, năng suất đạt từ 5 đến 6 tấn/ha/vụ.

Cùng với sự phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, hệ thống dịch vụ về tài chính, tín dụng, cơ

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu

khí, cung ứng con giống, thức ăn, hóa chất, tư vấn kỹ thuật, các cơ sở thu mua... phát triển khá nhanh. Hầu hết các nhà máy chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh được đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; sản lượng chế biến, chất lượng sản phẩm và kim ngạch xuất khẩu hàng năm đều tăng.

Từ năm 1998 đến năm 2003, tổng giá trị ngành thủy sản đã tăng từ 412 tỉ đồng lên 1 352 tỉ đồng (theo giá cố định năm 1994), tỷ trọng giá trị của ngành thủy sản trong tổng giá trị sản phẩm của tỉnh không ngừng tăng lên (năm 1998 chiếm 21%, năm 2003 chiếm 34%). Giá trị hàng thủy sản xuất khẩu cũng tăng từ 58 triệu USD năm 1998 lên 127,5 triệu USD năm 2003, trong đó kim ngạch xuất khẩu trực tiếp 96,5 triệu USD.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH

Mặc dù liên tục phát triển với tốc độ nhanh, nhưng ngành nuôi trồng thủy sản của tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất cập cần được giải quyết cụ thể như:

Kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật..., phục vụ nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là những bất hợp lý của hệ thống thủy lợi, muốn khắc phục phải có nguồn vốn đầu tư lớn nhưng lại vượt quá khả năng của tỉnh; diện tích nuôi trồng thủy sản tăng nhanh, nhưng đối tượng nuôi chưa đa dạng, còn tập trung nhiều vào con tôm sú; nguồn cung cấp giống tại chỗ chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu, phần lớn giống tôm nuôi phải nhập từ nơi khác làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp về công tác quản lý, chất lượng con giống, giá cả...; các giải pháp phòng trừ dịch bệnh, xử lý môi trường còn nhiều bất cập, làm ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững và hiệu quả nuôi trồng thủy sản.

Công suất chế biến, công nghệ sản xuất các nhà máy mặc dù được đầu tư đổi mới, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu chế biến nguồn nguyên liệu thủy sản của tỉnh, chỉ mới tập trung vào một số mặt hàng truyền thống. Điều bất hợp lý là nguồn nguyên liệu thủy sản chủ yếu của tỉnh là tôm sú, nhưng các nhà máy lại ít chế biến mặt

hàng này và tỷ trọng hàng tinh chế có giá trị cao còn thấp, thị trường xuất khẩu còn hẹp và không ổn định. Bên cạnh đó giá cả các mặt hàng thủy sản luôn biến động, nhất là các biện pháp hạn chế nhập khẩu của một số nước đã làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động xuất khẩu. Chế biến sản phẩm cho tiêu thụ nội địa chưa được chú trọng...

Trình độ khoa học, công nghệ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trình độ dân trí của nông dân và khả năng ứng dụng những tiến bộ về khoa học, công nghệ vào sản xuất còn thấp. Nguồn vốn của các tổ chức tín dụng và của nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, nhất là mô hình nuôi công nghiệp. Những hạn chế về kiến thức nuôi trồng thủy sản, nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn giống thủy sản ven bờ, về sản xuất hàng hóa theo yêu cầu thị trường... của một bộ phận cán bộ và nhân dân vẫn còn nhiều bất cập, lúng túng... đe dọa tính bền vững của quá trình phát triển.

III. TUONG LAI VÀ TRIỂN VỌNG

Với quyết tâm phát huy đúng mức tiềm năng, phát triển mạnh nghề nuôi trồng thủy sản cả 2 vùng sinh thái nước mặn ven biển và nước ngọt trong khu vực ngọt hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngày 1-4-2004 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 06 về *định hướng phát triển kinh tế thủy sản đến năm 2010*, (thay cho Nghị quyết 02 năm 1998). Mục tiêu phấn đấu của tỉnh đến năm 2005 sẽ có 129 200 ha, đến năm 2010 ổn định ở mức 134 100 ha diện tích nuôi trồng thủy sản. Trong đó diện tích nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp là 15 ngàn ha (năm 2005) và 34 150 ha (năm 2010), nuôi quảng canh cải tiến năm 2005 đạt 94 600 ha và năm 2010 là 71 350 ha; nuôi kết hợp 15 ngàn ha (năm 2005), đến năm 2010 là 20 ngàn ha. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2005 đạt 128 800 tấn, năm 2010 đạt 228 400 tấn. Trong đó sản lượng tôm năm 2005 đạt 113 ngàn tấn, đến năm 2010 đạt 178 ngàn tấn. Năng suất bình quân nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp đạt từ 3 tấn/ha đến 4,5 tấn/ha/vụ. Nuôi tôm quảng canh cải tiến năng suất đạt 250 kg đến

300 kg/ha/ vụ. Số lượng con giống sản xuất tại chỗ đến năm 2005 đáp ứng 40% nhu cầu nuôi của nhân dân; đến năm 2010 đáp ứng 60%.

Để đạt được mục tiêu trên đây, Bạc Liêu phải nhanh chóng ổn định quy mô sản xuất, quy mô công nghệ gắn với điều kiện môi trường sinh thái theo quy hoạch đã được điều chỉnh; nhất là quy mô diện tích nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp tập trung, nuôi tôm sinh thái, nuôi kết hợp (tôm - lúa, lúa - cá); thực hiện đa dạng hóa các đối tượng nuôi ở cả hệ sinh thái nước mặn, nước ngọt và nước lợ; nhanh chóng quy hoạch khu vực cho phép nuôi cá tra vùng ngọt hóa... Trong điều kiện môi trường không ổn định, nguy cơ ô nhiễm cao, tỉnh tiếp tục tổ chức nghiên cứu xây dựng và điều chỉnh quy hoạch nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, gắn với điều kiện sinh thái của từng vùng và đầu ra của sản phẩm hàng hóa.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, triển khai có hiệu quả dự án xây dựng các tuyến lộ trên đê dọc hành lang biển Đông để nối liền các cụm kinh tế ven biển. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ xây dựng cảng cá Gành Hào, Nhà Mát, Cái Cùmg và các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để xây dựng những nơi này trở thành các đô thị ven biển nhằm thúc đẩy phát triển nhanh nghề nuôi trồng thủy sản và khai thác thủy sản của tỉnh.

Ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng (thủy lợi, giao thông, điện) một cách đồng bộ, hợp lý đối với các vùng nuôi thủy sản, nhất là vùng nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp tập trung, vùng nuôi sinh thái. Phấn đấu đến năm 2005 có 50% vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung có đường giao thông bộ và hệ thống điện, đến năm 2010 là 100%. Đầu tư ngân sách xây dựng các trung tâm giống thủy sản của tỉnh, có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất tôm giống, cá giống tại chỗ nhằm bảo đảm chất lượng, từng bước đáp ứng về số lượng, giảm đến mức thấp nhất rủi ro do chất lượng con giống. Tiếp tục nghiên cứu sản xuất các giống mới có

giá trị kinh tế cao để đưa vào sản xuất, đa dạng hóa đối tượng nuôi cho từng vùng sinh thái...

Tăng cường đầu tư cho công tác khuyến ngư, đẩy mạnh việc chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản; xây dựng quy chế vùng nuôi nhằm giảm thiểu tác động môi trường và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường quản lý, trang bị thêm dụng cụ, thiết bị hiện đại cho việc kiểm tra chất lượng con giống và các sản phẩm phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị và công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, chế biến đa dạng các mặt hàng, nhất là chế biến tôm sú, cá và các mặt hàng có giá trị. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đa dạng hóa sản xuất các mặt hàng thủy sản. Tích cực chỉ đạo và có chính sách hỗ trợ việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu các mặt hàng thủy sản chủ lực của tỉnh gắn với áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm tiên tiến của thế giới, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, góp phần giữ vững uy tín hàng thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới.

Khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đầu tư xây dựng thêm các nhà máy chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn, con giống... trên địa bàn, tạo môi trường đầu tư bình đẳng, kích thích sự tăng trưởng của các thành phần kinh tế trong ngành thủy sản. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; tăng cường công tác dự báo thị trường, thông tin kịp thời các quy định, chủ trương, chính sách thương mại cho các doanh nghiệp. Phấn đấu nâng năng lực chế biến lên 38 ngàn tấn/năm vào năm 2005 và 60 ngàn tấn/năm vào năm 2010. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 165 triệu USD năm 2005 và 350 triệu USD năm 2010.

Tích cực thực hiện việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có trách nhiệm cao, đủ bản lĩnh và trình độ sản xuất, kinh doanh trong

điều kiện hội nhập quốc tế, nhất là đối với người đứng đầu doanh nghiệp.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục, thực hiện cam kết về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản... trong việc bảo vệ môi trường sinh thái. Các hoạt động có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống, di cư, sinh sản của các loài thủy sản phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Các công trình mới xây dựng hoặc các công trình cần phải tháo gỡ có liên quan đến môi trường sống và sinh sản của các loại thủy sản phải thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện.

Trước những đòi hỏi ngày càng nghiêm ngặt về chất lượng an toàn vệ sinh thủy sản và sự cạnh tranh gay gắt của thị trường thủy sản quốc tế, ngành thủy sản cần kết hợp với các ngành có liên quan xây dựng chương trình cơ bản về khoa học, kỹ thuật, công nghệ cho toàn ngành thủy sản, từ việc khảo sát nguồn lợi thủy sản, môi trường sinh thái các khu vực, sản xuất giống, đến các hình thức khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải v.v.. một cách đồng bộ. Tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật và kiểm tra mức độ ứng dụng của người dân. Phân đầu trong một thời gian nhất định, hình thành được cách sản xuất, kinh doanh gắn liền với khoa học, kỹ thuật, công nghệ một cách căn bản. Phổ biến trong ngành thủy sản, làm cho mỗi người dân tham gia vào quá trình này đều có khả năng thực hiện có hiệu quả các mô hình sản xuất theo hệ thống canh tác bền vững.

Mặt khác, để ứng phó với những biến động của thị trường tôm và chủ động chuyển đổi cơ cấu cây, con khi tôm nuôi bị rủi ro liên tục... tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng và các địa phương tổ chức sản xuất thực nghiệm các loại cây, con khác ngoài con tôm ở môi trường sinh thái mặn và nước lợ, chọn một số cây, con thích hợp để chủ động chuyển đổi khi cần.

Tích cực hỗ trợ để hình thành các tổ chức nghề nghiệp, các hình thức hợp tác, liên kết

trong hoạt động khai thác, nuôi trồng, chế biến, kinh doanh, xuất khẩu của ngành kinh tế thủy sản... Đây là giải pháp quan trọng nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp cho từng lĩnh vực, ngành nghề trong việc khai thác tiềm năng về kinh tế thủy sản của tỉnh, gắn phát triển lực lượng sản xuất với hình thành quan hệ sản xuất phù hợp, tạo động lực mới cho ngành thủy sản phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời đây cũng là biện pháp khuyến khích sự phát triển các thành phần kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết của Đảng.

Tiếp tục sắp xếp hợp lý bộ máy ngành thủy sản từ tỉnh đến cơ sở, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ ngành thủy sản với các ngành khác, phối hợp tốt việc quản lý ngành và quản lý của các địa phương, khắc phục tình trạng chồng chéo đùn đẩy trách nhiệm. Xây dựng và thực hiện chính sách về phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ, đáp ứng được tốc độ, quy mô phát triển của ngành kinh tế thủy sản trong thời gian tới, bao gồm cán bộ nghiên cứu, cán bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản; cán bộ tiếp thị và xúc tiến thương mại chuyên nghiệp, lực lượng lao động lành nghề trong các nhà máy chế biến thủy sản và lao động nghề cá..., khắc phục tình trạng hẫng hụt nguồn nhân lực trong ngành kinh tế thủy sản. Nghiên cứu xây dựng chương trình dạy nghề cho nông dân nói chung, trong đó có nghề nuôi trồng, khai thác thủy sản một cách phù hợp; không dừng lại ở các chương trình khuyến nông, khuyến ngư và các mô hình trình diễn mà cần có những lớp dạy nghề "chính quy" hơn cho nông dân, coi đây là giải pháp cơ bản, lâu dài để tạo ra chất lượng phát triển bền vững của nền kinh tế.

Hy vọng rằng, việc thực hiện đồng bộ những giải pháp trên đây sẽ giúp cho nghề nuôi trồng thủy sản Bạc Liêu phát triển ổn định, bền vững, làm cho ngành kinh tế thủy sản thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, cải thiện bộ mặt nông thôn và vùng ven biển, góp phần giải quyết tốt các vấn đề về môi trường sinh thái. □